

Số 1290/QĐ-SGDĐT

Thái Nguyên, ngày 06 tháng 10 năm 2021

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Cấu trúc đề thi tuyển sinh  
vào lớp 10 trung học phổ thông tỉnh Thái Nguyên

### GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÁI NGUYÊN

*Căn cứ Quyết định số 3734/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2015 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên;*

*Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT ngày 18/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông;*

*Căn cứ tình hình thực tiễn công tác tuyển sinh vào lớp 10 những năm qua;*

*Xét đề nghị của Trưởng phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Cấu trúc đề thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông tỉnh Thái Nguyên”.

**Điều 2.** Cấu trúc đề thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông tỉnh Thái Nguyên là căn cứ để xây dựng và biên soạn đề thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông năm học 2022-2023.



**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Quyết định này thay thế quyết định số 385/QĐ-SGDĐT ngày 25/02/2021 của Sở GDĐT Thái Nguyên.

**Điều 4.** Các ông (bà) Trưởng phòng: TC-HC, KT-KĐCLGD, GDT&H-GDTX Chánh Thanh tra Sở; ông (bà) Chủ tịch Hội đồng ra đề và in sao đề thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông; Hiệu trưởng các trường THPT; Trưởng phòng GDĐT các huyện (TP, TX) và các ông (bà) có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Lưu : VP, KTKĐCLGD.



**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
**SỞ**  
**GIÁO DỤC**  
**VÀ ĐÀO TẠO**  
**TỈNH THÁI NGUYÊN**  
  
  
**Nguyễn Văn Hưng**



## **CẤU TRÚC ĐỀ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT TỈNH THÁI NGUYÊN**

(Kèm theo Quyết định số 1290/QĐ-SGDĐT ngày 06/10/2021 của Sở GDĐT Thái Nguyên)

### **Môn: NGỮ VĂN** **(Dành cho thí sinh thi đại trà)**

#### **I. Quy định chung**

1. Hình thức thi: 100% tự luận;
2. Thời gian thi: 120 phút.
3. Thang điểm chấm thi: 10 điểm .
4. Tổng số câu: 06 câu
5. Giới hạn kiến thức: Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, chủ yếu trong chương trình lớp 9.

#### **II. Cấu trúc đề thi**

<b>Phần</b>	<b>Nội dung kiến thức</b>	<b>Điểm</b>
<b>Phần I: Đọc hiểu</b> - <b>Ngữ liệu:</b> văn bản nhật dụng - <b>Tiêu chí chọn lựa ngữ liệu:</b> + 01 đoạn trích/ văn bản hoàn chỉnh. + Độ dài 150-300 chữ. + Tương đương với văn bản HS đã được học chính thức trong chương trình lớp 9.	- Nhận diện phương thức biểu đạt, thao tác lập luận, phép liên kết, biện pháp tu từ, cách trình bày ý trong đoạn văn... - Diễn đạt đúng kiến thức đã được mô tả trong ngữ liệu bằng ngôn ngữ riêng của mình/ trích xuất thông tin đúng từ văn bản...	1
	- Giải thích được từ ngữ sử dụng trong văn bản. - Hiểu được nội dung văn bản/ giá trị của phép liên kết, thao tác lập luận, BPTT /quan điểm, tư tưởng của người viết trong văn bản...	1
	- Nhận xét/ đánh giá về tư tưởng/ quan điểm/ tình cảm/ thái độ của tác giả thể hiện trong văn bản. - Rút ra bài học về tư tưởng, nhận thức...	1
<b>Phần II: Làm văn</b> <b>Câu 1: Nghị luận xã hội</b>	- Viết đoạn văn khoảng 15 - 20 dòng. - Trình bày suy nghĩ về một vấn đề xã hội đặt ra trong văn bản	2
<b>Câu 2: Nghị luận văn học</b>	- Nghị luận về một bài thơ/đoạn thơ. - Nghị luận về một tác phẩm/ đoạn trích văn xuôi - Nghị luận về một ý kiến bàn về văn học	5
<b>Tổng số</b>		10

#### **Chú ý:**

- Tỷ lệ điểm ở các mức độ: Nhận biết: 10%; thông hiểu: 10%; vận dụng: 80%.
- Các câu (bài) trong đề thi không trùng lặp với các đề thi đã công bố trong 3 năm gần đây.





## **CẤU TRÚC ĐỀ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT TỈNH THÁI NGUYÊN**

(Kèm theo Quyết định số 1290/QĐ-SGDĐT ngày 06/10 /2021 của Sở GDĐT Thái Nguyên)

### **MÔN: NGŨ VĂN**

**(Dành cho thí sinh thi vào chuyên Ngữ văn)**

#### **I. Quy định chung**

1. Hình thức thi: Tự luận;
2. Thời gian thi: 180 phút;
3. Thang điểm chấm thi: 10 điểm;
4. Tổng số câu: 02 câu
5. Giới hạn kiến thức: Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, chủ yếu trong chương trình lớp 9.

#### **II. Cấu trúc đề thi:**

<b>Phần</b>	<b>Nội dung kiến thức</b>	<b>Điểm</b>
<b>Nghị luận xã hội.</b>	Trình bày suy nghĩ về vấn đề xã hội (tư tưởng đạo lý hoặc hiện tượng xã hội.)	4
<b>Nghị luận văn học</b>	Nghị luận về một bài thơ/đoạn thơ hoặc về một tác phẩm/ đoạn trích văn xuôi hoặc về một ý kiến bàn về văn học.	6
<b>Tổng số</b>		10

#### **Chú ý:**

- Yêu cầu của đề thi ở mức độ vận dụng.
- Các câu (bài) trong đề thi không trùng lặp với các đề thi đã công bố trong 3 năm gần đây.



# CẤU TRÚC ĐỀ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT TỈNH THÁI NGUYÊN

(Kèm theo Quyết định số 1290/QĐ-SGDĐT ngày 06/10/2021 của Sở GDĐT Thái Nguyên)

Môn: **TOÁN**  
(Dành cho thí sinh thi đại trà)

## I. Quy định chung

- Hình thức thi: 100% tự luận.
- Thời gian làm bài thi: 120 phút.
- Thang điểm chấm thi: 10 điểm .
- Số câu trong đề thi: 10 câu.
- Giới hạn kiến thức: Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, chủ yếu là chương trình lớp 9.

## II. Cấu trúc đề thi

Phần	Nội dung	Điểm
Đại số	Căn thức bậc hai, căn bậc ba.	5,0
	Hàm số bậc nhất và vị trí tương đối của hai đường thẳng.	
	Hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn.	
	Hàm số $y = ax^2$ ( $a \neq 0$ ); Tương giao giữa đường thẳng $(d) y = ax + b$ và Parabol $(P) y = ax^2$ ( $a \neq 0$ ).	
	Phương trình bậc hai một ẩn, Định lý Vi-et và ứng dụng.	
Hình học	Hệ thức lượng trong tam giác vuông.	4,0
	Đường tròn	
	Góc với đường tròn	
Bài toán có nội dung thực tế	Bài toán thực tế tích hợp với các môn Khoa học tự nhiên (Vật lí, Hóa học, Sinh học) và các bài toán có nội dung khác.	1,0

### Chú ý:

- Trong cấu trúc này, không nội dung kiến thức nào bắt buộc phải có trong đề thi.
- Tỷ lệ điểm ở các mức độ: Nhận biết: 30%. Thông hiểu: 30%. Vận dụng (cấp độ thấp): 30%. Vận dụng (cấp độ cao): 10%
- Các câu (bài) trong đề thi không trùng lặp với các đề thi đã công bố trong 3 năm gần đây.





# CẤU TRÚC ĐỀ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT TỈNH THÁI NGUYÊN

(Kèm theo Quyết định số 1290/QĐ-SGDĐT ngày 06/10/2021 của Sở GDĐT Thái Nguyên)

## MÔN: TOÁN

(Dành cho thí sinh thi vào chuyên Toán)

### I. Quy định chung

1. Hình thức thi: tự luận.
2. Thời gian làm bài thi: 180 phút.
3. Thang điểm chấm thi: 10 điểm.
4. Giới hạn kiến thức: Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### II. Cấu trúc đề thi

Phần	Nội dung	Điểm
Đại số	<ul style="list-style-type: none"><li>- Căn bậc hai, căn bậc ba.</li><li>- Hàm số bậc nhất, Hàm số <math>y = ax^2</math> (<math>a \neq 0</math>); Tương giao giữa đường thẳng (<math>d</math>) <math>y = ax + b</math> và Parabol (<math>P</math>) <math>y = ax^2</math> (<math>a \neq 0</math>).</li><li>- Bài toán về biến đổi biểu thức đại số.</li><li>- Phương trình, hệ phương trình đại số.</li><li>- Phương trình nghiệm nguyên.</li><li>- Bất đẳng thức, cực trị đại số.</li><li>- Đa thức.</li></ul>	4,0
Số học và toán rời rạc	<ul style="list-style-type: none"><li>- Các bài toán có liên quan đến: Hợp số, số nguyên tố, số chính phương, cấu tạo số, tính chia hết, ước chung lớn nhất, bội chung nhỏ nhất.</li><li>- Toán suy luận logic.</li><li>- Lý thuyết trò chơi.</li></ul>	2,0
Hình học	Các bài toán về hình học phẳng	4,0

### Chú ý:

- Trong cấu trúc này, không nội dung kiến thức nào bắt buộc phải có trong đề thi.
- Tỷ lệ điểm ở các mức độ: Vận dụng (cấp độ thấp): 60%; Vận dụng (cấp độ cao): 40%.
- Các câu (bài) trong đề thi không trùng lặp với các đề thi đã công bố trong 3 năm gần đây.



# CẤU TRÚC ĐỀ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT TỈNH THÁI NGUYÊN

(Kèm theo Quyết định số 1290/QĐ-SGDĐT ngày 06/10/2021 của Sở GDĐT Thái Nguyên)

## MÔN: TOÁN

(Dành cho thí sinh thi vào chuyên Tin)

### I. Quy định chung

1. Hình thức thi: tự luận.
2. Thời gian làm bài thi: 180 phút.
3. Thang điểm chấm thi: 10 điểm.
4. Giới hạn kiến thức: Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### II. Cấu trúc đề thi

Phần	Nội dung	Điểm
<b>Đại số và Số học</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Căn bậc hai, căn bậc ba.</li><li>- Hàm số bậc nhất, Hàm số <math>y = ax^2</math> (<math>a \neq 0</math>); Tương giao giữa đường thẳng (<math>d</math>) <math>y = ax + b</math> và Parabol (<math>P</math>) <math>y = ax^2</math> (<math>a \neq 0</math>).</li><li>- Bài toán về biến đổi biểu thức đại số.</li><li>- Phương trình, hệ phương trình đại số.</li><li>- Phương trình nghiệm nguyên.</li><li>- Bất đẳng thức, cực trị đại số.</li><li>- Các bài toán có liên quan đến: Hợp số, số nguyên tố, số chính phương, cấu tạo số, tính chia hết, ước chung lớn nhất, bội chung nhỏ nhất.</li></ul>	<b>4,0</b>
<b>Toán tổ hợp, rời rạc</b>	Các bài toán có nội dung liên quan đến vấn đề: Suy luận logic, nguyên lí Dirichlet, nguyên lí cực hạn, bất biến, lý thuyết trò chơi...	<b>2,0</b>
<b>Hình học</b>	Các bài toán về hình học phẳng	<b>4,0</b>

### Chú ý:

- Trong cấu trúc này, không nội dung kiến thức nào bắt buộc phải có trong đề thi.
- Tỷ lệ điểm ở các mức độ: Vận dụng (cấp độ thấp): 70%. Vận dụng (cấp độ cao): 30%.
- Các câu (bài) trong đề thi không trùng lặp với các đề thi đã công bố trong 3 năm gần đây.





# CẤU TRÚC ĐỀ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT TỈNH THÁI NGUYÊN

(Kèm theo Quyết định số 1290/QĐ-SGDĐT ngày 06/10/2021 của Sở GDĐT Thái Nguyên)

## Môn: TIẾNG ANH (Dành cho thí sinh thi đại trà)

### I. Quy định chung

- Hình thức thi: Trắc nghiệm.
- Thời gian thi: 60 phút.
- Thang điểm chấm thi: 10 điểm.
- Số bài trong đề thi: 09 bài, 40 câu.
- Nội dung đề thi: Trong đề thi không có bài (câu) nào trùng lặp với các bài (câu) trong các đề thi đã công bố trong 3 năm gần đây.
- Giới hạn kiến thức: Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, chủ yếu trong chương trình lớp 9.

### II. Cấu trúc đề thi

Phần	Nội dung	Điểm
Phonology	Choose the word which has the underlined part pronounced differently from the rest. (5 câu x 0,25 = 1,25 điểm)	1,25
Grammar and Vocabulary	Choose the correct answer. (13 câu x 0,25 = 3,25 điểm)	3,25
	Synonym (2 câu x 0,25 = 0,5 điểm)	0,5
	Antonym (2 câu x 0,25 = 0,5 điểm)	0,5
	Error identification (3 câu x 0,25 = 0,75 điểm)	0,75
Communication	Communicative sentence (2 câu x 0,25 = 0,5 điểm)	0,5
Reading Comprehension	Choose the word or phrase (A, B, C, or D) that best fits each space. (5 câu x 0,25 = 1,25 điểm)	1,25
	Read the following passage(s) and choose the correct answer (A, B, C, or D) to each question. (5 câu x 0,25 = 1,25 điểm)	1,25
Writing	Finish each of the following sentences in such a way that it means exactly the same as the sentence printed before it.	0,75

<b>Phần</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Điểm</b>
	(3 câu x 0,25 = 0,75 điểm)	
<b>Tổng điểm</b>		<b>10</b>

**Chú ý:**

- Trong cấu trúc này, không nội dung kiến thức nào bắt buộc phải có trong đề thi.
- Tỷ lệ điểm ở các mức độ: Nhận biết: 20%; Thông hiểu: 40%; Vận dụng (cấp độ thấp): 30%; Vận dụng (cấp độ cao): 10%





# **CẤU TRÚC ĐỀ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT TỈNH THÁI NGUYÊN**

(Kèm theo Quyết định số 1290/QĐ-SGDĐT ngày 06/10/2021 của Sở GDĐT Thái Nguyên)

## **Môn: TIẾNG ANH** **(Dành cho thí sinh thi vào chuyên Tiếng Anh)**

### **I. Quy định chung**

- Hình thức thi: Trắc nghiệm và tự luận.
- Thời gian thi: 180 phút.
- Thang điểm chấm thi: 10 điểm.
- Số câu trong đề thi: 100.
- Nội dung đề thi: Trong đề thi không có bài (câu) nào trùng lặp với các bài (câu) trong các đề thi đã công bố trong 3 năm gần đây.
- Giới hạn kiến thức: Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### **II. Cấu trúc đề thi**

#### **1. Phần trắc nghiệm: 70 câu (7 điểm)**

<b>Phần</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Điểm</b>
<b>PHONOLOGY</b>	I. Choose the word whose underlined part is pronounced differently from that of the others in each group. (5 câu x 0,1 = 0,5 điểm)	1,0
	II. Choose the word whose main stress position is placed differently from that of the others in each group. (5 câu x 0,1 = 0,5 điểm)	
<b>VOCABULARY AND GRAMMAR</b>	I. Choose the correct word or phrase to complete each of the sentences. (15 câu x 0,1 = 1,5 điểm)	4,3
	II. Fill in each blank with a suitable preposition or adverb particle. (10 câu x 0,1 = 1,0 điểm)	
	III. Identify the mistakes in the passage/sentences. (10 câu x 0,1 = 1,0 điểm)	
	IV. Choose the correct phrasal verbs to complete the following sentences. (8 câu x 0,1 = 0,8 điểm)	
	I. Read the passage(s) below and choose the	

<b>READING COMPREHENSION</b>	correct answer A, B, C or D to each of the questions. (10 câu x 0,1 = 1 điểm)	1,7
	II. Read the passage(s) below and choose the correct answer A, B, C or D to each of the questions. (7 câu x 0,1 = 0,7 điểm)	

## 2. Phần tự luận: 30 câu (3 điểm)

Phần	Nội dung	Điểm
<b>VOCABULARY</b>	I. Give the correct form of the words in brackets to complete each of the sentences. (5 câu x 0,1 = 0,5 điểm)	0,5
<b>READING COMPREHENSION</b>	I. Read the following passage(s) and fill each of the numbered blanks with ONE suitable word. (10 câu x 0,1 = 1 điểm)	1,0
	II. Choose the correct heading for each section from the list of headings below. (5 câu x 0,1 = 0,5 điểm)	0,5
<b>WRITING</b>	I. Finish the second sentence in such a way that its meaning is similar to that of the original one. (5 câu x 0,1 = 0,5 điểm)	0,5
	II. Rewrite each of the sentences below in such a way that its meaning is similar to that of the original one, using the word given in brackets. Do not change this word in any way. (5 câu x 0,1 = 0,5 điểm)	0,5

**Tổng điểm: 10 điểm (Trắc nghiệm và tự luận)**

**\*Chú ý:**

- Trong cấu trúc này, không nội dung kiến thức nào bắt buộc phải có trong đề thi.
- Tỷ lệ điểm ở các mức độ:
  - Nhận biết: 0%
  - Thông hiểu: 30%
  - Vận dụng (cấp độ thấp): 50%
  - Vận dụng (cấp độ cao): 20%





# CẤU TRÚC ĐỀ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT TỈNH THÁI NGUYÊN

(Kèm theo Quyết định số 1290/QĐ-SGDĐT ngày 06/10/2021 của Sở GDĐT Thái Nguyên)

**Môn: TIẾNG ANH**

(Dành cho thí sinh thi vào chuyên Tiếng Nga, tiếng Pháp, tiếng Trung Quốc)

## I. Quy định chung

- Hình thức thi: Trắc nghiệm và tự luận.
- Thời gian thi: 180 phút.
- Thang điểm chấm thi: 10 điểm.
- Số câu trong đề thi: 100 câu.
- Nội dung đề thi: Trong đề thi không có bài (câu) nào trùng lặp với các bài (câu) trong các đề thi đã công bố trong 3 năm gần đây.
- Giới hạn kiến thức: Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, chủ yếu trong chương trình lớp 9.

## II. Cấu trúc đề thi

### 1. Phần trắc nghiệm: 70 câu (7 điểm)

Phần	Nội dung	Điểm
<b>PHONOLOGY</b>	I. Choose the word whose underlined part is pronounced differently from that of the others in each group. (5 câu x 0,1 = 0,5 điểm)	1,0
	II. Choose the word whose main stress position is placed differently from that of the others in each group. (5 câu x 0,1 = 0,5 điểm)	
<b>VOCABULARY AND GRAMMAR</b>	I. Choose the correct word or phrase to complete each of the sentences. (20 câu x 0,1 = 2,0 điểm)	4,0
	III. Identify the mistakes in the passage/sentences. (10 câu x 0,1 = 1,0 điểm)	
	III. Fill each blank in the following sentences with a suitable preposition or adverb particle. (10 câu x 0,1 = 1 điểm)	
	I. Read the passage(s) below and choose the correct answer A, B, C or D to each of the	

<b>READING COMPREHENSION</b>	questions. (10 câu x 0,1 = 1 điểm)	2,0
	II. Read the passage(s) below and choose the correct answer A, B, C or D to each of the questions. (10 câu x 0,1 = 1 điểm)	

## 2. Phần tự luận: 30 câu (3 điểm)

Phần	Nội dung	Điểm
<b>VOCABULARY</b>	I. Give the correct form of the words in brackets to complete each of the sentences. (10 câu x 0,1 = 1,0 điểm)	1,0
<b>READING COMPREHENSION</b>	I. Read the following passage(s) and fill each of the numbered blanks with ONE suitable word. (10 câu x 0,1 = 1 điểm)	1,0
<b>WRITING</b>	I. Finish the second sentence in such a way that its meaning is similar to that of the original one. (5 câu x 0,1 = 0,5 điểm)	0,5
	II. Rewrite each of the sentences below in such a way that its meaning is similar to that of the original one, using the word given in brackets. Do not change this word in any way. (5 câu x 0,1 = 0,5 điểm)	0,5

**Tổng điểm: 10 điểm (Trắc nghiệm và tự luận)**

### \*Chú ý:

- Trong cấu trúc này, không nội dung kiến thức nào bắt buộc phải có trong đề thi.
- Tỷ lệ điểm ở các mức độ:
  - Nhận biết: 10%
  - Thông hiểu: 50%
  - Vận dụng (cấp độ thấp): 30%
  - Vận dụng (cấp độ cao): 10%





**CẤU TRÚC ĐỀ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT TỈNH THÁI NGUYÊN**  
(Kèm theo Quyết định số 1290/QĐ-SGDĐT ngày 06/10/2021 của Sở GDĐT Thái Nguyên)

**MÔN: VẬT LÝ**

**I. Quy định chung:**

1. Hình thức thi: tự luận;
2. Thời gian làm bài thi: 180 phút;
3. Thang điểm chấm thi: 10 điểm;
4. Giới hạn kiến thức: Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**II. Cấu trúc đề thi:**

PHẦN	NỘI DUNG KIẾN THỨC
<b>Cơ học</b>	<ol style="list-style-type: none"><li>1. Động học: Chuyển động cơ học, tính tương đối của chuyển động, chuyển động thẳng đều.</li><li>2. Động lực học: Các lực cơ học (Trọng lực, lực đàn hồi, lực ma sát, lực đẩy Acsimet), khối lượng riêng, trọng lượng riêng, áp suất chất lỏng và chất khí.</li><li>3. Công, công suất, cơ năng.</li></ol>
<b>Nhiệt học</b>	<ol style="list-style-type: none"><li>1. Nhiệt lượng, sự truyền nhiệt, phương trình cân bằng nhiệt, năng suất tỏa nhiệt của nhiên liệu.</li><li>2. Sự chuyển thể của các chất.</li></ol>
<b>Điện và điện từ</b>	<ol style="list-style-type: none"><li>1. Định luật Ôm cho các loại đoạn mạch.</li><li>2. Điện năng, công, công suất của dòng điện một chiều, định luật Jun - Lenxơ.</li><li>3. Từ trường và cảm ứng điện từ.</li><li>4. Truyền tải điện năng đi xa, máy biến thế.</li></ol>
<b>Quang học</b>	<ol style="list-style-type: none"><li>1. Các định luật quang hình học: Truyền thẳng ánh sáng, phản xạ ánh sáng, khúc xạ ánh sáng.</li><li>2. Gương phẳng, thấu kính, mắt, kính lúp, máy ảnh.</li></ol>
<b>TỔNG ĐIỂM</b>	<b>10 điểm</b>

**Ghi chú:**

- Trong đề thi không có bài (câu) nào trùng lặp với các bài (câu) trong các đề thi Sở GDĐT Thái Nguyên đã công bố trong 3 năm gần đây.
- Trong cấu trúc này, không nội dung kiến thức nào bắt buộc phải có trong đề thi.
- Mức độ: Thông hiểu và vận dụng (cấp độ thấp): 70% ; Vận dụng (cấp độ cao): 30%



# CẤU TRÚC ĐỀ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT TỈNH THÁI NGUYÊN

(Kèm theo Quyết định số 1290/QĐ-SGDĐT ngày 06/10/2021 của Sở GDĐT Thái Nguyên)

## Môn: HÓA HỌC

### I. Quy định chung

- Hình thức thi: 100% tự luận.
- Thời gian thi: 180 phút.
- Số bài (câu) trong đề thi: 10 bài (câu).
- Thang điểm chấm thi: 10 điểm
- Nội dung đề thi: Trong đề thi không có bài (câu) nào trùng lặp với các bài (câu) trong các đề thi đã công bố trong 3 năm gần đây.
- Giới hạn kiến thức: Theo Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

### II. Cấu trúc đề thi

Chuyên đề	Nội dung	Điểm
Tổng hợp kiến thức hóa học vô cơ (các loại hợp chất vô cơ, kim loại, phi kim,....)	<ul style="list-style-type: none"><li>- Các loại phản ứng hóa học vô cơ.</li><li>- Xác định chất thông qua tính chất của chất vô cơ.</li><li>- Nhận biết, tinh chế, tách chất, điều chế.</li><li>- Sơ đồ chuyển hoá, hoàn thiện phản ứng hóa học.</li><li>- Viết phương trình phản ứng hóa học theo các quá trình hoá học.</li></ul>	3
Tổng hợp kiến thức hóa học hữu cơ (đại cương hóa học hữu cơ, hidrocacbon, dẫn xuất của hidrocacbon,....)	<ul style="list-style-type: none"><li>- Các loại phản ứng hóa học hữu cơ.</li><li>- Công thức cấu tạo của hợp chất hữu cơ.</li><li>- Xác định chất thông qua tính chất của chất hữu cơ.</li><li>- Nhận biết, tinh chế, tách chất, điều chế.</li><li>- Sơ đồ chuyển hoá, hoàn thiện phản ứng hóa học.</li><li>- Viết phương trình phản ứng hóa học theo các quá trình hoá học.</li></ul>	2
Bài toán tổng hợp kiến thức hóa học vô cơ	<ul style="list-style-type: none"><li>- Oxit, axit, bazơ, muối.</li><li>- Kim loại và hợp chất của chúng.</li><li>- Phi kim và hợp chất của chúng.</li><li>- Dung dịch, các định luật hóa học.</li></ul>	3
Bài toán tổng hợp kiến thức hóa học hữu cơ	<ul style="list-style-type: none"><li>- Xác định CTPT hợp chất hữu cơ.</li><li>- Hidrocacbon (số lượng nguyên tử <math>C \leq 8</math>).</li><li>- Dẫn xuất của hidrocacbon: ancol, axit cacboxylic, este, glucosơ, saccarozơ, tinh bột, xenlulozơ.</li><li>- Các định luật hóa học.</li></ul>	2
<b>Tổng điểm</b>		<b>10</b>

**Chú ý:** Tỷ lệ điểm ở các mức độ đánh giá năng lực tư duy của học sinh như sau:

- + Thông hiểu, vận dụng: 50%;
- + Vận dụng cao: 50%





# **CẤU TRÚC ĐỀ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT TỈNH THÁI NGUYÊN**

Kèm theo Quyết định số 1290/QĐ-SGDĐT ngày 06/10/2021 của Sở GDĐT Thái Nguyên)

## **Môn: SINH HỌC**

### **I. Quy định chung**

- Hình thức thi: tự luận.
- Thời gian thi: 180 phút.
- Thang điểm chấm thi: 10 điểm.
- Số bài trong đề thi: 10 câu hỏi.
- Lưu ý: Trong đề thi không có câu nào trùng lặp với các câu trong các đề thi đã sử dụng trong 3 năm gần đây.
- Giới hạn kiến thức: lớp 8, 9 Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### **II. Cấu trúc đề thi**

<b>Phần</b>	<b>Nội dung kiến thức</b>	<b>Điểm</b>
Lớp 8	Tuần hoàn; Hô hấp; Tiêu hóa; Trao đổi chất và năng lượng; Bài tiết; Thần kinh và giác quan; Nội tiết; Sinh sản	2,0 điểm
Lớp 9	Các thí nghiệm của Menden	1,0 điểm
	Nhiễm sắc thể	1,0 điểm
	ADN và gen	1,0 điểm
	Biến dị	1,0 điểm
	Di truyền học người	1,0 điểm
	Ứng dụng di truyền học	1,0 điểm
	Sinh vật và môi trường; Con người, dân số và môi trường; Bảo vệ môi trường	1,0 điểm
	Hệ sinh thái	1,0 điểm
<b>Tổng cộng</b>		<b>10 điểm</b>

**Chú ý:** Tỷ lệ điểm ở các mức độ

Nhận biết: 10%; Thông hiểu: 20%; Vận dụng: 70%.



# CẤU TRÚC ĐỀ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT TỈNH THÁI NGUYÊN

(Kèm theo Quyết định số 1290/QĐ-SGDĐT ngày 06/10/2021 của Sở GDĐT Thái Nguyên)

Môn: **LỊCH SỬ**

## I. Quy định chung

- Hình thức thi: Tự luận.
- Thời gian thi: 180 phút.
- Thang điểm chấm thi: 10 điểm.
- Số bài (câu hỏi) trong đề thi: 04 câu.
- Nội dung đề thi: Trong đề thi không có câu hỏi nào trùng lặp với các câu hỏi trong các đề thi đã công bố trong 3 năm gần đây.
- Giới hạn kiến thức: Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, chủ yếu trong chương trình lớp 9.

## II. Cấu trúc đề thi

Phần	Nội dung kiến thức	Điểm
<b>I. Lịch sử thế giới</b>	Lịch sử thế giới từ năm 1945 đến nay.	3
<b>II. Lịch sử Việt Nam</b>	<b>1. Lớp 6:</b> 1.1. Khởi nghĩa Hai Bà Trưng. Trưng Vương và cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Hán (40-43) 1.2. Khởi nghĩa Lý Bí. Nước Vạn Xuân (542-602) <b>2. Lớp 7:</b> 2.1. Các cuộc kháng chiến chống Tống (1075-1077) thời Lý, chống Mông - Nguyên (thế kỉ XIII) thời Trần 2.2. Tình hình kinh tế, giáo dục và thi cử thời Lê sơ <b>3. Lớp 8:</b> 3.1. Phong trào Cần vương (1885-1896) 3.2. Trào lưu cải cách duy tân ở Việt Nam nửa cuối thế kỉ XIX 3.3. Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc (1911-1918) <b>4. Lớp 9:</b> Việt Nam từ năm 1919 đến nay.	7

### Chú ý:

- Trong cấu trúc này, không nội dung kiến thức nào bắt buộc phải có trong đề thi.
- Tỷ lệ điểm ở các mức độ: Nhận biết: 10%; Thông hiểu: 20%; Vận dụng: 70%;





**CẤU TRÚC ĐỀ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT TỈNH THÁI NGUYÊN**  
(Kèm theo Quyết định số 1290/QĐ-SGDĐT ngày 06/10 /2021 của Sở GDĐT Thái Nguyên)

**MÔN: ĐỊA LÍ**

**I. Quy định chung**

- Hình thức thi: Tự luận.
- Thời gian làm bài thi: 180 phút.
- Thang điểm chấm thi: 10 điểm.
- Số câu hỏi trong đề thi: 05 câu (trong mỗi câu hỏi gồm nhiều ý hỏi).
- Nội dung đề thi: Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, chủ yếu trong chương trình lớp 9.

**II. Cấu trúc đề thi**

Phần	Nội dung	Điểm
<b>Địa lí tự nhiên đại cương</b>	- Trái Đất; - Các thành phần tự nhiên của Trái Đất	1,5
<b>Địa lí Việt Nam</b>	- Tự nhiên.	2
	- Dân cư.	1
	- Kinh tế.	1,5
	- Sự phân hóa lãnh thổ.	2
<b>Kỹ năng</b>	- Vẽ biểu đồ, nhận xét và giải thích.	2
<b>Tổng</b>		<b>10</b>

**\* Chú ý:**

- Trong cấu trúc đề thi, không nội dung kiến thức nào bắt buộc phải có trong đề thi.
- Tỷ lệ điểm ở các mức độ: Nhận biết = 10 %; Thông hiểu = 30 %;  
Vận dụng thấp = 30%; Vận dụng cao = 30%
- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam và máy tính cầm tay để làm bài.
- Nội dung giáo dục địa phương được lồng ghép trong yêu cầu câu hỏi.